

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 02 - 2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàn

Bà Nguyễn Thị Chiêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 205/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02//2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Cụm 3, xã Liên T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Cụm 3, xã Liên T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1960; bà Vũ Thị M, sinh năm 1967; Cùng địa chỉ: Cụm 2, xã Liên T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T ngày 20/9/2005, anh chị lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2007 thì anh Đại đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, cũng do anh Đại đi làm ăn ở xa nên chị Thom có quan hệ tình cảm với người khác. Năm 2016 anh Đại về nước thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Thơm gây sự chửi bới, đập phá đồ đạc nên anh cũng đã phải mời Công an xã Liên T đến giải quyết nhiều lần nhưng chị Thơm vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng mâu thuẫn nên chị Thơm đã bỏ đi từ năm 2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Nguyễn Trọng Đ xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Hùng, sinh ngày 21/3/2006, cháu Hùng đủ tuổi trưởng, cháu Hùng đang ở với anh Đại. Nay ly hôn anh Đại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức với hai bên gia đình, nợ chung: Anh Đại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ T và bà Vũ Thị M trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thanh T. Năm 2005 ông bà xây dựng gia đình cho chị Thơm lấy anh Nguyễn Trọng Đ, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên T. Sau khi kết hôn chị Thơm chuyển khẩu về nhà anh Đại sinh sống, anh chị sống hạnh phúc được vài năm thì anh chị sinh con, sau đó anh Đại đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, sau một thời gian thì mẹ con chị Thơm về ở với ông bà tại Cụm 2, xã Liên T. Năm 2016 anh Đại về nước, vợ chồng ở với nhau được một thời gian ngắn đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Thơm về nhà ông bà sau đó gia đình hòa giải nên chị Thơm lại quay về ở với anh Đại nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Thơm lại bỏ nhà đi. Nay anh Đại xin ly hôn chị Thơm thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Thơm và anh Đại có 1 con chung là cháu Nguyễn Trọng Hùng, sinh năm 2006, hiện tại cháu Hùng đang sinh sống cùng anh Đại, vợ chồng ly hôn cháu Hùng đã đủ tuổi trưởng thành, cháu Hùng muốn ở với ai thì do cháu quyết định.

Về tài sản: Anh Đại, chị Thơm phát sinh được tài sản gì thì anh chị giải quyết.

Về nợ: Năm 2018 anh Đại, chị Thơm không có công ăn việc làm nên ông bà cho anh chị vay số tiền là 110.000.000 đồng, nay anh Đại ly hôn chị Thơm thì anh Đại phải trả ông bà số tiền nợ trên. Sau khi ông Tính, bà Mùi trình bày ý kiến, Tòa án phân tích giải thích, nếu ông bà yêu cầu anh Đại trả số nợ thì phải có đơn yêu cầu độc lập, cung cấp tài liệu chứng cứ và phải nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông Tính, bà Mùi không làm đơn, không cung cấp chứng cứ và cũng chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Trọng Đ giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ T, bà Vũ Thị M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng Đ, xử cho anh Nguyễn Trọng Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T; Về con chung anh Đại, chị Thơm có 01 con chung là Nguyễn Trọng Hùng, sinh năm 2006, cháu Hùng đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, về nợ: Anh Đại không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Thơm và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Sỹ T và bà Vũ Thị M vắng mặt nên không xem xét; Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trọng Đ có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thanh T; có địa chỉ tại Cụm 3, xã Liên T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, theo qui định thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T, vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ T, bà Vũ Thị M vắng mặt nên không mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự tố tụng pháp luật.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Trọng Đ khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại UBND xã Liên T, huyện Đan Phượng vào năm 2005 nên được xác định là Hôn nhân hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra thì thấy rằng: Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T sinh sống tại Cụm 3, xã Liên T, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Sau vài năm chung sống thì anh Đại đi lao động ở nước ngoài, do vợ chồng xa cách nên nghi ngờ nhau về quan hệ tình cảm, vợ chồng mâu thuẫn nên chị Thơm đã bỏ đi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Đại xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về yêu cầu xin được ly hôn của anh Nguyễn Trọng Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời khai của anh Nguyễn Trọng Đ, xác minh lấy lời khai của thân nhân gia đình chị Nguyễn Thị Thanh T thì anh Đại và chị Thơm có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liên T, huyện Đan Phượng vào ngày 20/9/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được vài năm thì anh Đại đi xuất khẩu lao động, đến năm 2016 anh Đại về nước thì vợ chồng mâu thuẫn nên chị Thơm đã bỏ về bố mẹ đẻ, gia đình hòa giải nên chị Thơm lại quay về ở với anh Đại nhưng cũng chỉ được thêm một thời gian ngắn thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn nên chị Thơm bỏ đi, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh Đại xin ly hôn chị Thơm, chứng tỏ mâu thuẫn

vợ chồng giữa anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T cũng đã đến mức trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn được nên yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trọng Đ xin được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận; xử cho anh Nguyễn Trọng Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T theo Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T có một con chung là cháu Nguyễn Trọng Hùng, sinh năm 2006, hiện tại cháu Hùng đang ở với anh Đại, cháu Hùng đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ: Anh Nguyễn Trọng Đ không yêu cầu giải quyết, chị Thom vắng mặt nên không xem xét giải quyết.

Về nợ: Quá trình lấy lời khai ông Nguyễn Sỹ T và bà Vũ Thị M (là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Thanh T) khai: Năm 2018 ông bà có cho anh Đại, chị Thom vay số tiền là 110.000.000 đồng, ban đầu ông bà yêu cầu anh Đại phải trả ông bà số tiền nợ trên. Sau khi làm việc với ông Tính, bà Mùi, Tòa án yêu cầu ông Tính, bà Mùi nếu yêu cầu anh Đại trả số tiền nợ trên thì phải làm đơn, cung cấp tài liệu chứng cứ và phải nộp tạm ứng án phí, ông Tính hứa về trao đổi với bà Mùi, nếu ông bà yêu cầu sẽ gửi đơn, còn không gửi đơn thì ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng sau đó ông Tính, bà Mùi không làm đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không nộp tiền tạm ứng án phí, hơn nữa anh Đại không yêu cầu giải quyết về số nợ, chị Thom lại vắng mặt nên Tòa án không xem xét khoản nợ mà anh Đại, chị Thom vay của ông Tính, bà Mùi. Nếu sau này ông Tính, bà Mùi có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Trọng Đ.

Xử: Anh Nguyễn Trọng Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Trọng Đ và chị Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Hùng, sinh năm 2006. Nay cháu Hùng đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, anh Nguyễn Trọng Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010368 ngày 03/10/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Liên T (Ngày ĐKKH 20/9/2005).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết